

NATURAL WONDERS OF VIETNAM

LOOKING BACK

- camping site	(n): điểm cắm trại
- go hiking	(v): đi bộ đường dài
- warm coat	(n): áo ấm
- column	(n): cột, trụ
- indicate	(v): ngụ ý, biểu thị
- mistake	(n): lỗi
- candle	(n): cây nến
- snow	(n): tuyết
- musical instruments	(n): nhạc cụ
- leave – left – left	(v): rời đi
- luggage	(n): hành lý
- trip	(n): chuyến đi
- unnecessary	(adj): không cần thiết